

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-PT
Ngày: 10- 3 - 2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp đòi lại tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1964; địa chỉ: Đường M, Khóm N, Phường P, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1963; địa chỉ: Đường M, hẻm 7, Khóm N, Phường P, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cao Thị Túy Giang, là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Vinh Phú - Chi nhánh Bạc Liêu: Đường R, Khóm S, Phường P, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà D (tên gọi khác D1), sinh năm 1975; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã U, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, chỗ ở hiện nay: Đường W, Khóm X, Phường P, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà E, sinh năm 1982; địa chỉ liên hệ: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Y, Đường M1, Khóm N1, Phường P1, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà B, sinh năm 1963; địa chỉ: Đường M, Khóm N, Phường P, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà D, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông A trình bày: Vào năm 2017 ông A có nhờ bà D (D1) xin việc làm cho con rể vào ngành Công an và bà D đồng ý với chi phí 400.000.000 đồng. Ông A đồng ý và đã đưa tiền đủ cho bà D, cụ thể tháng 8/2017 đưa 100.000.000 đồng, tháng 9/2017 đưa 100.000.000 đồng và tháng 11/2017 đưa 200.000.000 đồng. Sau đó, bà D có xin thêm chi phí đi Hà Nội và ông A đã đưa thêm 16.000.000 đồng. Do không xin việc được cho con rể vào làm việc trong ngành Công an, nên ngày 27/4/2018 bà D viết biên nhận là nợ 400.000.000 đồng và hẹn sau ba tháng thanh toán đủ 400.000.000 đồng. Nay bà D không thanh toán tiền như đã hứa hẹn, ông A yêu cầu bà D thanh toán trả 400.000.000 đồng vốn và tiền lãi, tính từ ngày 27/7/2018 đến ngày 15/7/2019 lãi suất 0,833%/tháng, tiền lãi từ ngày 16/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn bà D trình bày: Vào khoảng tháng 12/2015 ông A có đăng ký thuê 05 chỗ bán hàng thuộc khu chợ đêm thành phố Q và có đưa cho bà D 40.000.000 đồng, có làm biên nhận nhờ bà nộp về Công ty Y1 Cà Mau (chủ đầu tư chợ đêm). Do chủ đầu tư không tiến hành làm chợ đêm nữa và bà D có liên lạc trả lại tiền, nhưng do ông A không trả lại biên nhận nên chưa trả được. Đến tháng 11/2017 ông A có đưa thêm 16.000.000 đồng làm chi phí nhờ bà xin việc làm cho con rể vào ngành Công an. Sau đó, do thấy hồ sơ con rể ông A ở tỉnh khác bà không xin việc được và bà D đề nghị trả lại tiền 40.000.000 đồng, nhưng ông A không trả lại biên nhận nên chưa trả, số tiền 16.000.000 đồng ông A đã cho luôn. Sau đó, khoảng tháng 3/2018 ông A nhiều lần cùng vài người đến nhà gây rối, ép bà D viết biên nhận nợ số tiền 400.000.000 đồng, nhưng bà không viết. Biên nhận nợ ông A cung cấp không phải do bà viết, nên yêu cầu giám định. Bà D không đồng ý thanh toán như yêu cầu của ông A, chỉ đồng ý thanh toán trả ông A 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 12/2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B trình bày: bà là vợ ông A và thống nhất như ông A trình bày và yêu cầu bà D thanh toán trả cho ông A và bà vốn 400.000.000 đồng và tiền lãi, tính từ ngày 27/7/2018 đến ngày 15/7/2019 lãi suất 0,833%/tháng, tiền lãi từ ngày 16/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật, vì là tài sản chung vợ chồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A đối với bà D (D1). Buộc bà D (D1) có nghĩa vụ trả cho ông A và bà B số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng. (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/11/2021 là 133.661.000 đồng. (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, áp dụng lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/12/2021, bị đơn bà D kháng cáo, không đồng ý chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử vắng mặt bà không hợp lệ, vì bà không cư trú tại Đường W, Khóm X, Phường R1, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu mà hiện ở Đường S1, Phường T1, Quận U1, Thành phố Hồ Chí Minh, nên không về tham gia phiên tòa do phải giãn

cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ; không đồng ý xử buộc bà thanh toán trả 400.000.000 đồng vốn và tiền lãi 133.661.000 đồng; yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Ngoài ra, ông A còn gây thiệt hại cho bà 400.000.000 đồng, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc trả cho bà 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bà D cho rằng, bà D có nhà và ở tại Thành phố Hồ Chí Minh từ cuối năm 2020 nên cấp sơ thẩm tổng đạt văn bản tố tụng hình thức niêm yết tại địa chỉ Đường W, Khóm X, Phường R1, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu và biên bản có dấu tẩy xóa là vi phạm tố tụng; đồng thời đề nghị ngừng phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định lại và cung cấp tài liệu chứng minh bà D ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư Cao Thị Túy Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà D phải có nghĩa vụ cung cấp địa chỉ, khi có thay đổi địa chỉ trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng lại không cung cấp, nên không đồng ý ngừng phiên tòa để cung cấp việc thay đổi địa chỉ. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử vắng mặt bà D đã đảm bảo thủ tục đúng theo quy định của pháp luật; không đồng ý giám định lại, vì chỉ làm kéo dài vụ án, việc bà D có nhận 400.000.000 đồng, thể hiện tại biên nhận, đoạn ghi âm đã được giám định, kết quả đúng tiếng nói, chữ viết, chữ ký bà D. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của bà D và buộc bà D thanh toán tiền lãi đến ngày xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Thủ tục niêm yết tại Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết, xét xử vắng mặt bà D đã đảm bảo thủ tục đúng theo quy định của pháp luật, bà D không có văn bản hay trình bày về thay đổi địa chỉ. Về nội dung bà D cho rằng không nợ 400.000.000 đồng, nhưng đã được giám định, tiếng nói, chữ viết, chữ ký của bà D và không có căn cứ giám định lại. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà D và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông A có nhờ bà D (D1) xin việc làm cho con rể vào ngành Công an và bà D đồng ý, nhưng do hồ sơ con rể ông A ở tỉnh khác bà D không xin việc được. Theo ông A đã đưa tiền chi phí 400.000.000 đồng cho bà D, bà D có xin thêm chi phí đi Hà Nội và ông A đã đưa thêm 16.000.000 đồng. Bà D viết biên nhận ngày 27/4/2018 nhận nợ 400.000.000 đồng và hẹn sau ba tháng thanh toán đủ 400.000.000 đồng.

Bà D không thừa nhận biên nhận nợ 400.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả lại tiền đã nhận 40.000.000 đồng, nhưng là tiền ông A nhờ bà nộp về Công ty Y1 Cà Mau (chủ đầu tư chợ đêm), nay không tiến hành làm chợ đêm nữa.

[2]. Về tố tụng, bà D kháng cáo cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà không hợp lệ, vì bà không cư trú tại số Đường W, Khóm X, Phường R1, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu mà hiện ở Đường S1, Phường T1, Quận U1, Thành phố Hồ Chí Minh, nên không về tham gia phiên tòa do phải giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ. Xét thấy quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà D cư trú tại số Đường W, Khóm X, Phường R1, thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu, không có thể hiện bà D thay đổi nơi cư trú và thông báo cho Tòa án, nên cấp sơ thẩm tổng đạt văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết và xét xử vắng mặt đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung, bà D không đồng ý xử buộc bà thanh toán trả 400.000.000 đồng vốn và tiền lãi 133.661.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà D yêu cầu trưng cầu giám định lại. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định thủ tục đúng theo quy định và không có căn cứ phải trưng cầu giám định lại. Xét thấy, ông A cung cấp đoạn ghi âm giọng nói bà D và biên nhận ngày 27/4/2018 nhận nợ số tiền 400.000.000 đồng, có nội dung bà D (D1) nhận xin việc cho con ông A, nhận nợ 400.000.000 đồng và hẹn sau ba tháng thanh toán đủ 400.000.000 đồng. Bà D không thừa nhận giọng nói, chữ viết và ký tên tại biên nhận. Tòa án sơ thẩm đã thực hiện trưng cầu giám định giọng nói và chữ viết, chữ ký của bà D và Kết luận giám định số 5881/1/C09B ngày 16/01/2021 và Số 5881/C09B ngày 22/4/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đúng giọng nói và chữ viết, chữ ký của bà D (D1). Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà D thanh toán tiền vốn và lãi là có cơ sở.

Đối với việc bà D cho rằng ông A gây thiệt hại cho bà 400.000.000 đồng, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc trả cho bà 400.000.000 đồng. Xét thấy bà D có đơn phản tố ngày 14/10/2019 yêu cầu ông A trả 390.000.000 đồng và tiền lãi, nhưng là yêu cầu sau khi đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên cấp sơ thẩm đã Thông báo không thụ lý yêu cầu này là có căn cứ. Trường hợp bà D cho rằng ông A gây thiệt hại cho bà 400.000.000 đồng, có quyền khởi kiện yêu cầu đối với ông A bằng một vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D, mà cần chấp nhận như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5]. Án phí dân sự phúc thẩm, bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà D và giữ nguyên Bản án số: 65/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A đối với bà D (D1).

2. Buộc bà D (D1) có nghĩa vụ trả cho ông A và bà B số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng. (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/11/2021 là 133.661.000 đồng. (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 533.661.000 đồng. (Năm trăm ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Bà D (D1) đã nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí trưng cầu giám định, được nhận lại toàn bộ tại Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm, buộc bà D (D1) phải nộp 25.364.440 đồng. (Hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Ông A không phải nộp án phí, đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 10.969.000 đồng theo Biên lai thu số 0000820 ngày 25/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Án phí dân sự phúc thẩm bà D (D1) phải nộp 300.000 đồng, đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0007231 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TP Bạc Liêu;
- CCTHADS Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tờ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

